TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 02 - 2024.
V/v tranh chấp*: Hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Đ với vợ chồng ông L, bà T.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày **29** tháng **02** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 193/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn 15, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

**** Bị đơn:*** Vợ chồng ông **Đinh Nho L**, sinh năm: 1984 và bà **Bế Thị T**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Thôn 8, xã Y, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:

Do quen biết và cần tiền để làm ăn nên vào ngày 28/10/2022 vợ chồng ông L, bà T có vay của bà Đ số tiền 100.000.000đ hẹn mỗi tháng trả một ít, vợ chồng ông L, bà T có viết giấy vay tiền và cùng ký tên. Nhưng sau khi vay tiền thì hàng tháng vợ chồng ông L, bà T không trả dần theo như thỏa thuận. Mặc dù bà Đ đã nhiều lần liên hệ để đòi nợ nhưng vợ chồng ông L, bà T né tránh không trả số tiền nợ.

Vì vậy, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T tại Tòa án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ đối với vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T:

Buộc vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ tiền gốc vay là 100.000.000đ và tính lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày vay 28/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về tố tụng*:** Bà Nguyễn Thị Kim Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" với vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T đã được triệu tập hợp lệ (niêm yết) nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 28/10/2022 bà Đ có cho vợ chồng ông L, bà T vay số tiền 100.000.000đ hẹn mỗi tháng trả một ít, vợ chồng ông L, bà T có viết giấy vay tiền và cùng ký tên. Nhưng sau đó thì hàng tháng vợ chồng ông L, bà T không trả dần theo như

thỏa thuận. Mặc dù bà Đ đã nhiều lần liên hệ để đòi nợ nhưng vợ chồng ông L, bà T né tránh không trả nên hai bên đã xảy ra tranh chấp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự thì thấy rằng: Việc bà Đ và vợ chồng ông L, bà T có giao dịch dân sự với nhau bằng việc cho vay tiền là có thật. Quá trình giao dịch, hai bên đã thể hiện bằng giấy tờ cụ thể do vợ chồng ông L, bà T viết và cùng ký tên. Bà Tuyết đã cung cấp cho Tòa án 01 bản chính Giấy vay tiền được viết trên nền giấy kẻ ô ly học sinh, phần cuối có chữ ký, ghi rõ họ tên của vợ chồng ông L, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà T không đến làm việc nên không có chứng cứ để chứng minh về việc vợ chồng ông L, bà T đã trả tiền cho bà Đ hay chưa. Vì vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc vợ chồng ông L, bà T phải có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền gốc vay còn nợ 100.000.000đ là phù hợp.

- Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Căn cứ vào giấy vay tiền do bà Đ cung cấp thì hai bên không thể hiện mức lãi suất cho vay; bị đơn vợ chồng ông L, bà T vắng mặt nên không có căn cứ để chứng minh mức lãi suất vay mà hai bên thỏa thuận là bao nhiêu. Vì vậy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để áp dụng mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng), bà Đ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận. Tiền lãi suất được tính kể từ ngày 28/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 100.000.000đ x 0,83%/tháng x 16 tháng = 13.280.000đ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ; Buộc vợ chồng ông L, bà T phải có trách nhiệm trả cho bà Đ tổng số tiền là 113.280.000đ.

[3] Về án phí: Vụ kiện có giá ngạch, vợ chồng ông L, bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 5.664.000đ.

Bà Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Đ đối với vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Đ tổng số tiền là 113.280.000đ (*Một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng)*. Trong đó: Tiền gốc là 100.000.000đ; tiền lãi là 13.280.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Đinh Nho L, bà Bế Thị T phải chịu 5.664.000đ (*Năm triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.830.000đ (*Hai triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013060 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/02/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường